

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HC-ST

Ngày 09-11-2021

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành
chính về giải quyết tranh chấp đất
đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Mai
Ông Từ Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Ông Trương Minh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 108/2020/TLST-HC ngày
23 tháng 11 năm 2020 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính về giải quyết
tranh chấp đất đai”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HC
ngày 14 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HC ngày
02 tháng 6 năm 2021, Thông báo hoãn phiên tòa số 101/2021/TB-TA ngày 16 tháng
6 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 101/2021/TB-TA ngày 22
tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 123A/Ô1, tổ 6, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà
Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 191/Ô2, tổ 7, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà
Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền lập ngày 17-12-2020 (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Địa chỉ: Khu phố Hòa Hội, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Minh T, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (có mặt).

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 01 đường Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Văn M, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Ánh H, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 278^D/Ô2, tổ 11, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Ông Võ Văn L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 267^A/Ô2, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.3. Ông Võ Văn L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 258^A/Ô2, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.4. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 242 ấp Phước Trung, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

3.5. Ông Võ Văn L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 191/Ô2, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.5. Ông Võ Văn L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 123A/Ô1, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.7. Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 133/Ô1, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.8. Ông Võ Văn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 267^B/Ô2, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.9. Ông Võ Văn L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 267C/Ô2, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.10. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 123A/Ô1, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.11. Ông Võ Văn L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 123A/Ô1, tổ 9, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.12. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 164 ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.13. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1958 (vắng mặt).

3.14. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988 (có mặt)

3.15. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 122 Ô1, tổ 6, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3.16. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc T: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 122 Ô1, tổ 6, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền lập ngày 21-12-2020 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 09-9-2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ ban hành Quyết định số 2991/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị T và ông Võ Văn L, cùng ngụ tại khu phố Thanh B, thị trấn Đ với nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T, ngụ tại khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ đối với diện tích đất 852,2 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 08, thị trấn Đ (Quyết định 2991).

Ông L không đồng ý với Quyết định 2991 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 01-7-2011, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định 1449/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng 852,2 m² đất tại thị trấn Đ, huyện Đ giữa ông Võ Văn L với bà Võ Thị T, cùng ngụ tại khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ (Quyết định 1449) với nội dung:

Công nhận một phần khiếu nại của ông Võ Văn L đối với Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 09-9-2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng diện tích 852,2 m² đất tại thị trấn Đ, huyện Đ

giữa ông Võ Văn L với bà Võ Thị T.

Giao Chủ tịch UBND huyện Đ điều chỉnh một phần nội dung Quyết định 2991/QĐ-UBND ngày 09-9-2008 nêu trên theo hướng: Công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 172, tờ bản đồ số 08, thị trấn Đ cho bà Võ Thị T sau khi đã trừ ra và công nhận quyền sử dụng đất đường đi rộng 5m nằm trên thửa đất số 172, giáp ranh thửa đất số 630, nối liền từ nhà đất thửa đất số 638 (tất cả đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 08, thị trấn Đ) ra đường liên thôn cho ông Võ Văn L, để giải quyết dứt điểm vụ việc.

Ngày 19-10-2011, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2754/QĐ-UBND về việc điều chỉnh lại một phần nội dung Quyết định 2991, cụ thể: Điều chỉnh từ công nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T, ngụ tại khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ đối với diện tích đất 852,2 m² thuộc thửa đất số 172 tờ bản đồ số 08, thị trấn Đ thành công nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T, ngụ tại khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ đối với diện tích đất 770,6 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa số 50, tờ bản đồ số 139) thị trấn Đ (Quyết định 2754).

Ngày 26-12-2011, ông L qua đời. Đến ngày 24-4-2016 thì bà T qua đời.

Ngày 08-11-2018, ông Nguyễn Ngọc M là con trai bà Võ Thị T làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy CNQSDĐ) đối với diện tích đất 749 m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 139, thị trấn Đ.

Ngày 30-01-2019, ông Minh được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSDĐ số CH 522520 diện tích 749 m² số thửa 88, số tờ bản đồ 139 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Giấy (CNQSDĐ số CH 522520).

Ngày 20-8-2020, bà Lê Thị T là vợ ông Võ Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định 2991
- Hủy Quyết định 1449
- Hủy Quyết định 2754
- Hủy Giấy CNQSDĐ số CH 522520.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Diện tích đất tranh chấp 852,2 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 08 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nguồn gốc của ông Võ Văn Vinh và bà Nguyễn Thị Đát. Ông Vinh, bà Đát có 05 người con là Võ Thị Hai, Võ Thị Tầm,

Võ Thị T, Võ Văn Chỉ, Võ Văn L. Bà Lê Thị T là vợ của ông Võ Văn L.

Năm 1974, ông Vinh và bà Đất có lập giấy trúc ngôn chia đất cho các con. Theo giấy trúc ngôn thì đất đai, nhà cửa sẽ chia cho con trai, con gái thì không được chia đất mà được cho vàng và bò. Tuy nhiên, do giấy trúc ngôn thất lạc nên bà T không rõ diện tích đất ông L được ông Vinh chia bao nhiêu.

Năm 1976, ông Vinh chết. Sau khi ông Vinh chết, vợ chồng ông L, bà T sinh sống trên thửa đất tranh chấp cùng bà Đất. Gia đình bà T cũng xin ở chung trên thửa đất này. Năm 1993, bà Đất chết thì bà T vẫn sinh sống trên phần đất này. Đến năm 1997, bà T chuyển nhà đi nơi khác ở nhưng vẫn canh tác trồng hoa màu và bạch đàn trên đất. Quá trình sử dụng đất, ông L không đăng ký kê khai là do ông L không biết thủ tục này.

Diện tích đất tranh chấp 852,2 m² đã được ông Vinh, bà Đất đã chia cho ông L, bà T trên cơ sở giấy trúc ngôn còn bà T chỉ được cho ở nhờ trên đất chứ không được cho đất. Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết tranh chấp đất đai theo hướng công nhận đất cho bà T và UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Ngọc M (con trai bà T) là không đúng quy định.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2991, Quyết định 1449, Quyết định 2754 và hủy Giấy CNQSDĐ số CH 522520.

Ý kiến của người bị kiện:

- *Ý kiến Chủ tịch UBND huyện Đ và UBND huyện Đ:*

Phần đất tranh chấp diện tích 852,2 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 08 tại thị trấn Đ có nguồn gốc do cha mẹ của ông L và bà T là ông Võ Văn Vinh và bà Nguyễn Thị Đất để lại. Trước khi ông Vinh chết (năm 1976), ông đã chia phần đất này thành 03 phần, một phần cho ông L ở, một phần cho ông Võ Văn Thắng (cháu nội) ở và phần còn lại của vợ chồng ông ở. Sau khi ông Vinh chết, bà T đã lập gia đình nhưng vẫn sống chung với bà Đất. Năm 1993, bà Đất chết, bà T vẫn tiếp tục sinh sống trên đất. Năm 1997, bà T dỡ nhà chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng vẫn canh tác trên đất. Cũng trong năm 1997, ông L đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ nhưng không đăng ký đối với phần đất 852,2 m² này. Năm 2005, bà T khai thác bạch đàn thì xảy ra tranh chấp với ông L.

Ông L không có quá trình sử dụng đất, không kê khai, đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ và không cung cấp được giấy tờ chứng minh diện tích đất 852,2 m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình. Bà T đã sinh sống và canh tác trên đất hơn 20 năm. Quá trình bà T sinh sống, ông L không có ý kiến gì. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-

2004 của Chính phủ, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2991, công nhận diện tích đất 852,2 m² cho bà T là đúng quy định.

Ông L không đồng ý, tiếp tục làm đơn khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 1449, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông L, giao Chủ tịch UBND huyện Đ điều chỉnh một phần nội dung Quyết định 2991 theo hướng công nhận diện tích đất tranh chấp cho bà T sau khi đã trừ ra và công nhận diện tích đường đi rộng 5m nằm trên phần đất tranh chấp nối liền từ nhà đất của ông L ra đường liên thôn cho ông L.

Ngày 19-10-2011, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2754 điều chỉnh lại một phần nội dung Quyết định số 2991, công nhận diện tích đất tranh chấp 770,6 m² thuộc quyền sử dụng của bà T.

Bà T sử dụng đất đến năm 2013 thì cho lại con trai là ông Nguyễn Ngọc M sử dụng. Căn cứ vào hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ của ông Minh và căn cứ khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, khoản 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ, UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSDĐ số CH 522520 cho ông Minh là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 172 có nguồn gốc và quá trình sử dụng như trình bày của Chủ tịch UBND huyện Đ và UBND huyện Đ. Bà T có quá trình sử dụng và đăng ký kê khai thửa đất 172 tại UBND xã Phước Thạnh (nay là thị trấn Đ). Năm 2003, bà T đóng thuế và đóng truy thu thuế từ năm 1996 đến năm 2002. Từ khi xảy ra tranh chấp với ông L, bà T ngừng việc trồng trọt và canh tác trên đất.

Ông L không cung cấp được giấy tờ pháp lý liên quan để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 172, không kê khai đăng ký và không thực hiện nghĩa vụ đóng thuế. Hơn nữa, tại các biên bản làm việc, ông L trình bày không thống nhất về diện tích, nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất 172. Bà T là người canh tác, sử dụng đất ổn định, lâu dài, có đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước.

Tuy nhiên, từ trước năm 1975 đã có đường đi từ nhà ông Vinh và bà Đát (nay gia đình ông L đang ở) ra đường liên thôn, phần đường này rộng khoảng 5m, nằm trên phần đất tranh chấp, nay là thửa 172, có vị trí giáp ranh thửa đất 630 của ông Võ Văn Thắng. Nếu công nhận hết diện tích đất tranh chấp cho bà T thì không chính xác, ông L sẽ không có đường đi từ nhà ra đường liên thôn. Bà T cũng đề nghị công nhận quyền sử dụng đất thửa 172 cho bà sau khi trừ đi phần đất đường đi rộng 5m từ nhà ông L ra đường liên thôn. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ban hành Quyết định 1449 công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông L, điều chỉnh nội dung Quyết định 2991 theo hướng công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho bà T sau khi trừ ra và công nhận quyền sử dụng đất đường đi rộng 5m cho ông L, để giải quyết dứt điểm vụ việc.

Việc bà T khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- *Ý kiến của các ông, bà ông Võ Văn C, Võ Văn C, Võ Văn L, Võ Văn L, Võ Văn L, Võ Thị Thanh Hg, Võ Văn L, Võ Văn L, Võ Thị Thanh T, Võ Văn L, Võ Thị Thanh T:* Thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị T, không bổ sung gì thêm.

- *Ý kiến bà Võ Thị Thanh T:* Bà Thúy đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của các ông, bà Nguyễn Tấn H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Ngọc M:*

Diện tích đất 749 m² thuộc thửa 172, tờ bản đồ số 08 nay là thửa 88, tờ bản đồ số 139 có nguồn gốc là của ông Vinh, bà Đát khai hoang từ đất làng. Ông Vinh, bà Đát có 05 người con như bà T trình bày. Vào năm 1974-1975, ông Vinh, bà Đát đã chia đất cho 03 người con là ông Võ Văn C, bà Võ Thị T, ông Võ Văn L (do 02 người con còn lại đã chết). Khi đó, bà T được cho diện tích đất tại thửa 172 mà bà T đang tranh chấp. Sau khi được cho đất, bà T sử dụng trồng bạch đàn, hoa màu và cất nhà ở, đến năm 2003 thì ông L tranh chấp không cho bà T sử dụng.

Bà T sử dụng đất ổn định, lâu dài, có tên trong sổ mục kê năm 1997 và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Do đó, bà T được công nhận quyền sử dụng đất và ông Minh (con trai bà T) được cấp Giấy CNQSDĐ là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Thửa đất tranh chấp 172 giữa bà T và ông L có nguồn gốc do cha mẹ là ông Vinh, bà Đát để lại. Ông L không đăng ký kê khai cấp Giấy CNQSDĐ và không có chứng cứ chứng minh thửa đất 172 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình. Bà T là người sinh sống và canh tác trên đất hơn 20 năm nhưng ông L không có ý kiến gì. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định bà T là người sử dụng đất hợp pháp (sau khi trừ đi diện tích đường đi và 02 ngôi mộ). Bà T đã cho lại đất con trai Nguyễn

Ngọc M và ông M được cấp Giấy CNQSDĐ là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định 2991, Quyết định 1449, Quyết định 2754 và Giấy CNQSDĐ số CH 522520.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. *Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 09-9-2008 và Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 19-10-2011 của Chủ tịch UBND huyện Đ, Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 01-07-2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Giấy CNQSDĐ số CH 522520 ngày 30-01-2019 được UBND huyện Đ cấp trên cơ sở quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, đều thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2991, Quyết định 1449, Quyết định 2754 và Giấy CNQSDĐ số CH 522520 nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính.

[3]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Tranh chấp đất đai giữa bà T và ông L xảy ra từ năm 2003, đã được giải quyết bằng Quyết định 2991, Quyết định 1449 và Quyết định 2754. Ngày 30-01-2019, ông Minh được cấp Giấy CNQSDĐ số CH 522520 đối với phần đất tranh chấp giữa bà T và ông L. Đến đầu năm 2020, bà T mới biết việc ông Minh đã được cấp Giấy CNQSDĐ. Do vậy, ngày 20-8-2020, bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[4]. *Về tính hợp pháp của Quyết định 2991, Quyết định 1449, Quyết định 2754 và Giấy CNQSDĐ số CH 522520*:

[4.1]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền:

Quyết định 2991, Quyết định 1449 và Quyết định 2754 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Luật

kiểu nại năm 2011. Giấy CNQSDĐ số CH 522520 được cấp đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[4.2]. Về nội dung:

[4.2.1]. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng và kết quả giải quyết tranh chấp đất đai:

Theo lời trình bày và thừa nhận của các bên đương sự cũng như kết quả xác minh những người sống cùng thời điểm với gia đình ông Vinh, bà Đất là ông Phan Văn Bồng, ông Nguyễn Hữu Trí và ông Nguyễn Văn Huệ thì phần đất tranh chấp giữa ông L với bà T có diện tích 852,2 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 08 tại thị trấn Đ (trước đây là xã Phước Thạnh), huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nguồn gốc là đất làng do ông Vinh và bà Đất canh tác, sử dụng trước năm 1975 để lại. Ông Vinh, bà Đất có 05 người con là Võ Thị H, Võ Thị T, Võ Thị T, Võ Văn C và Võ Văn L.

Khi còn sống, ông Vinh đã chia đất của gia đình thành ba phần: Một phần cho ông L (nay là thửa 342 diện tích 5.467 m² và thửa 68 diện tích 3.552 m²), một phần cho ông Võ Văn T, là con ông Võ Văn C (nay là thửa 620 diện tích 5.468 m²), phần còn lại của ông Vinh và bà Đất (nay là thửa 638 diện tích 836 m², thửa 630 diện tích 562 m² và thửa 172 diện tích 1.095 m²), cùng tờ bản đồ số 08 tại thị trấn Đ. Lý do ông Vinh chia đất thành 03 phần vì bà Hai, bà Tầm đã chết còn bà T sống cùng cha mẹ.

Sau khi ông Vinh chết, bà T lập gia đình nhưng vẫn sống cùng nhà với bà Đất (thửa đất 638). Năm 1978, vợ chồng bà T cất nhà ở riêng trên đất của ông Vinh, bà Đất (thửa đất 172). Năm 1993, bà Đất chết, bà T vẫn tiếp tục sinh sống trên thửa đất 172. Năm 1997, bà T chuyển nhà đến nơi ở mới trong cùng ấp nhưng vẫn trồng hoa màu, trà và bạch đàn trên đất.

Năm 1997, ông L đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất 342, thửa đất 68 và thửa đất 638 còn ông Thắng đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất 620 và thửa 630. Đối với diện tích đất 852,2 m² thuộc thửa 172 thì cả ông L và ông Thắng đều không đăng ký.

Về hồ sơ quản lý đất đai: Tại sổ mục kê đất và bản đồ địa chính năm 1997 xã Phước Thạnh: Thửa đất 172, chủ sử dụng đất Võ Thị T, diện tích 1.900 m², trong đó loại đất “T” 300 m², loại đất “Q” 1.610 m². Tại sổ mục kê đất và bản đồ địa chính năm 2006 xã Phước Thạnh: Thửa đất 172, chủ sử dụng đất Võ Thị T, diện tích 1.900 m².

Như vậy, bà T là người canh tác và sử dụng ổn định thửa đất 172 từ năm 1978. Quá trình sử dụng đất, bà T có đăng ký kê khai vào năm 1997 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước (đóng thuế năm 2003 và đóng truy thu thuế từ năm

1996 đến năm 2002). Năm 2013, bà T khai thác bạch đàn trên thửa đất 172 thì xảy ra tranh chấp với ông L. Ông L cho rằng thửa đất 172, ông Vinh đã lập giấy trúc ngôn chia cho ông từ khi ông Vinh còn sống nhưng không cung cấp được giấy trúc ngôn. Gia đình ông L ở trên thửa đất 638 liền kề với thửa đất 172 nhưng năm 1997 ông L chỉ đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất 638 mà không đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất 172. Quá trình bà T sử dụng thửa đất 172, ông L biết rõ nhưng không có ý kiến gì.

Do đó, có đủ căn cứ để xác định thửa đất tranh chấp 172 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T. Tuy nhiên, từ trước năm 1975 đã có phần đường đi từ nhà ông Vinh, bà Đất (nay là nhà ông L) ra đường liên thôn, phần đường này rộng khoảng 5m, nằm trên thửa đất 172, giáp ranh thửa đất 630 của ông Võ Văn T. Nếu công nhận hết diện tích đất tranh chấp cho bà T thì không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và gia đình ông L sẽ không có đường đi.

Tại Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2991/QĐ-UBND ngày 09-9-2008, Chủ tịch UBND huyện Đ đã công nhận diện tích đất tranh chấp 852,2 m² cho bà T là có căn cứ nhưng chưa phù hợp. Do vậy, tại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần cuối số 1449/QĐ-UBND ngày 01-7-2011, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã giao Chủ tịch UBND huyện Đ điều chỉnh lại Quyết định 2991 theo hướng công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp thuộc thửa đất 172 cho Tơ sau khi đã trừ ra và công nhận phần đường đi rộng 5m cho ông L. Ngày 19-10-2011, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định 2754, công nhận diện tích đất tranh chấp cho bà T sau khi trừ đường đi còn lại 770,6 m² là đúng quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ.

[4.2.2]. Tại tòa, bà T cung cấp thêm tờ di chúc (đánh máy và viết tay) lập không ngày tháng. Theo bà T trình bày, tờ di chúc này được bà nhờ ông Phan Văn Bồng viết lại vào năm 2005 vì giấy trúc ngôn trước đây cũng do ông Bồng viết (ông Vinh nhờ ông Bồng viết hộ giấy trúc ngôn vì ông không biết chữ). Tờ di chúc này do ông Bồng tự viết và ký tên, không phải ý chí của ông Vinh nên không có giá trị.

[4.2.3]. Việc cấp Giấy CNQSDĐ số CH 522520

Như đã phân tích ở trên, phần đất tranh chấp diện tích 770,6 m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T. Năm 2013, bà T cho lại con trai là ông Nguyễn Ngọc M diện tích đất 770,6 m². Ngày 08-11-2018, ông Minh làm đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ diện tích 749 m² (sau khi trừ ra diện tích hai ngôi mộ đá trên đất). Ngày 30-01-2019, UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSDĐ số CH 522520 ngày 30-01-2019 cho ông Minh diện tích đất 749 m² thuộc thửa đất 88, tờ bản đồ số 139 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định 2991, Quyết định 1449, Quyết định 2754 và hủy Giấy CNQSDĐ số CH 522520.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. *Về án phí hành chính sơ thẩm*: Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T không được chấp nhận nhưng do bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc:

Hủy Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 09-9-2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị T và ông Võ Văn L, cùng ngụ tại khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ.

Hủy Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 01-07-2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng 852,2 m² đất tại thị trấn Đ, huyện Đ giữa ông Võ Văn L với bà Võ Thị T, cùng ngụ tại khu phố Thanh Bình, thị trấn Đ, huyện Đ.

Hủy Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 19-10-2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 09-9-2008 của UBND huyện về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn L với bà Võ Thị T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 522520 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30-01-2019 cho ông Nguyễn Ngọc M.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Lê Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ly